TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: ông **Trịnh Ngọc Thành** và bà **Nguyễn Thị Xuân**

- Thư ký phiên tòa: bà **Hoàng Thị Thanh Thùy** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

-*NguY đơn*: anh Đinh Bảo D – sinh năm 1982

Địa chỉ: số 23/15 Bùi Thị Xuân, Phường 3, Quận B, Thành phố Hồ Chí M (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí M

- *Bị đơn*: chị Phạm Thị Thùy D1 – sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp Ngọc Lâm 1, xã T, tỉnh Đồng Nai.

(anh Duy, chị D1 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2025; lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguY đơn là anh Đinh Bảo D trình bày:

Về hôn nhân: anh D và chị D1 tìm hiểu nhau và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2012, cho đến nay nhưng không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và cũng không tổ chức đám cưới. Từ khi vợ chồng anh bắt đầu sống chung thì sinh sống tại xã Phú Lâm, huyện Tân Phú tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai). Quá trình sống chung, đời sống hôn nhân của vợ chồng được hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. NguY nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên thường xuY cãi vã. Vợ chồng anh đã không còn sống chung với nhau từ năm 2024 cho đến nay.

Nay anh D nhận thấy vợ chồng không còn cơ hội về đoàn tụ gia đình, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương.

Về con chung: Có 03 con chung là Đinh Ngọc Thành L – sinh ngày 21/5/2012; Đinh Ngọc Gia Y – sinh ngày 01/7/2015; Đinh Ngọc Hồng M, sinh ngày 18/12/2019. Khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lễ, đồng ý giao cháu hai cháu Gia Yên, Hồng M cho chị D1 nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo anh D vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn là Phạm Thị Thùy D1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh D tìm hiểu nhau và tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2012 cho đến nay nhưng do bận công việc nên không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và cũng không tổ chức đám cưới. Từ khi vợ chồng chị bắt đầu sống chung thì sinh sống tại xã Phú Lâm, huyện Tân Phú tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai). Quá trình sống chung, đời sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, xung đột. Vợ chồng chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2024 cho đến nay. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn cơ hội về đoàn tụ gia đình, nên anh D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị không có ý kiến gì.

Về con chung: Có 03 con chung là Đinh Ngọc Thành L – sinh ngày 21/5/2012; Đinh Ngọc Gia Y – sinh ngày 01/7/2015; Đinh Ngọc Hồng M, sinh ngày 18/12/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Yên, cháu M, đồng ý giao cháu L cho anh D nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo chị D1 vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Xét anh D và chị D1 không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuY bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đinh Bảo D và chị Phạm Thị Thùy Dư1.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là Đinh Ngọc Thành L – sinh ngày 21/5/2012 cho anh Đinh Bảo D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao con chung là Đinh Ngọc Gia Y – sinh ngày 01/7/2015 và Đinh Ngọc Hồng M – sinh ngày 18/12/2019 cho chị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nợ chung: anh D và chị D1 kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: anh D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn chị Phạm Thị Thùy D1 cư trú xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: anh D yêu cầu khởi kiện ly hôn tranh chấp nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: anh Đinh Bảo D là nguY đơn; chị Phạm Thị Thùy D1 là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D và chị D1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án:

[5.1] Về hôn nhân: anh D và chị D1 tự nguyện sống chung với nhau nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy hôn nhân của anh chị là không hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, nay anh D có

yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuY bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị Dương.

[5.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy anh D và chị D1 thỏa thuận đồng ý giao cháu L cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Y và cháu M cho chị D1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Đây là sự thỏa thuận của các đương sự nên ghi nhận. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là Đinh Ngọc Thành L – sinh ngày 21/5/2012 cho anh Đinh Bảo D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao con chung là Đinh Ngọc Gia Y – sinh ngày 01/7/2015 và Đinh Ngọc Hồng M – sinh ngày 18/12/2019 cho chị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không cấp dưỡng nuôi con. Anh D và chị D1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5.3] Về tài sản và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Đinh Bảo D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 11, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;
Điều 9, 14, 58, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

TuY xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đinh Bảo D và chị Phạm Thị Thùy D1 là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung là Đinh Ngọc Thành L – sinh ngày 21/5/2012 cho anh Đinh Bảo D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao con chung là Đinh Ngọc Gia Y – sinh ngày 01/7/2015 và Đinh Ngọc Hồng M – sinh ngày 18/12/2019 cho chị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không cấp dưỡng nuôi con. Anh D và chị D1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

- Về án phí: anh Đinh Bảo D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn. Được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai số 0021227 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Anh D đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 8;
- Thi hành án tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Lâm (để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tuấn